

DANH MỤC CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐƯỢC XẾP HẠNG

Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều Tạp chí khoa học. Do vậy, việc lựa chọn bài báo của một Tạp chí nào đó để người nghiên cứu thực hiện tổng quan và kế thừa luôn gặp phải những khó khăn. Nhưng việc này lại rất quan trọng bởi vì nó ảnh hưởng quyết định đến chất lượng tổng quan tình hình nghiên cứu khoa học trên thế giới và độ tin cậy của các phương pháp vận dụng khi lựa chọn trích dẫn, kế thừa trong mỗi nghiên cứu.

Chất lượng của các Tạp chí chủ yếu được đánh giá dựa trên qui trình kiểm duyệt đề đăng bài và các thống kê về chỉ số được trích dẫn của các bài báo đăng trên Tạp chí đó thông qua chỉ số ảnh hưởng. Các chỉ số khoa học công bố được các Tổ chức xếp hạng đại học sử dụng để đánh giá số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học và xếp hạng các trường đại học trên thế giới, cũng như cá nhân nhà khoa học.

Có hai nhóm phân loại uy tín được cộng đồng khoa học công nhận trên thế giới. Phân loại theo Viện thông tin khoa học Hoa Kỳ (Institute for Scientific Information, thường gọi là ISI) và theo Scopus (Hà Lan).

Phân loại của ISI đã tồn tại lâu đời và có uy tín hơn cả. Do vậy, một số quốc gia chỉ công nhận các tạp do ISI phân loại, mà không công nhận Scopus, chẳng hạn như: Mỹ, Đài Loan và v.v. Các thông tin, dữ liệu và đánh giá về Kinh tế-Xã hội, Khoa học, Công nghệ và Kỹ thuật nếu không theo ISI thì bị lệch so với thống kê quốc tế.

Công bố quốc tế là yêu cầu bắt buộc đối với các cá nhân và tổ chức thực hiện nghiên cứu. Khi không có công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí uy tín thì các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu khoa học sẽ không bao giờ lọt được vào bảng xếp hạng quốc tế nào. Liên hợp quốc, các Chính phủ và các Tổ chức quốc tế thường sử dụng thống kê phân loại này trong quản lý và hoạch định các chính sách khoa học, kỹ thuật.

Công bố quốc tế không chỉ là một đòi hỏi quan trọng mà còn là cơ sở để tài trợ cho các nghiên cứu. Ngày nay, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia Việt Nam (NAFOSTED), cũng tham khảo các công bố quốc tế để tài trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản (website: <http://nafosted.gov.vn>).

1. PHÂN LOẠI CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC

1.1. Phân loại theo ISI (Institute for Scientific Information, Hoa Kỳ)

Viện Thông tin khoa học Hoa Kỳ đã xét chọn chất lượng của các tạp chí trên thế giới một cách khắt khe và kỹ lưỡng để đưa vào cơ sở dữ liệu của họ. Mặc dù, vẫn còn có những ý kiến chưa thống nhất, nhưng ISI vẫn là một trong rất ít cách phân loại được thừa nhận và sử dụng rộng rãi khi bàn luận về chất lượng khoa học của các công trình nghiên cứu.

Những năm 1960, ISI chỉ bao gồm tập hợp **SCI** (*Science Citation Index*) với khoảng 4.000 tạp chí chuyên ngành về Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ có chất lượng cao và truyền thống lâu đời nhất trên thế giới (Xem thêm chi tiết trên website: <http://science.thomsonreuters.com/cgi-bin/jrnlst/jlsubcatg.cgi?PC=K>).

Sau đó, SCI mở rộng thành tập hợp **SCIE** (*Science Citation Index Expanded*) với khoảng 7.000 tạp chí Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và Công nghệ, Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật được xuất bản từ năm 1900 đến nay (<http://science.thomsonreuters.com/cgi-bin/jrnlst/jlsubcatg.cgi?PC=D>).

Hiện nay, ISI được phân loại cụ thể hơn, bao gồm thêm tập hợp **SSCI** (*Social Science Citation Index*) với hơn 2.000 tạp chí xuất bản từ năm 1956 và **A&HCI** (*Arts & Humanities Citation Index*) với hơn 1.200 tạp chí từ năm 1975 đến nay.

Cụ thể, ISI là tập hợp của sự phân loại minh bạch, bao hàm cả SCI, SCIE, SSCI và A&HCI với tổng cộng khoảng 10.000 Tạp chí khoa học có chất lượng cao, trong tổng số hàng triệu tạp chí thông thường trên thế giới.

Như vậy, theo phân loại của ISI thì trong lĩnh vực Khoa học xã hội - Hành vi, Kinh tế và Nhân văn có 2 nhóm tạp chí được công nhận với chỉ số trích dẫn khoa học uy tín.

Nhóm thứ nhất: SSCI - Social Science Citation Index

Nhóm thứ hai: SCIE - Science Citation Index Expanded.

Cho đến nay, Việt Nam chưa có tạp chí khoa học nào được lọt vào danh sách ISI.

1.2. Phân loại theo Scopus

Bên cạnh phân loại ISI, nhiều tổ chức xếp hạng thế giới, ví dụ như Tổ chức xếp hạng các cơ sở nghiên cứu khoa học SCIMAGO (<http://scimagojr.com>) hoặc Tổ chức xếp hạng đại học (QS World University Rankings, <http://www.topuniversities.com>), ..., còn sử dụng cơ sở dữ liệu từ nguồn Scopus.

Scopus được xây dựng từ tháng 11 năm 2004 và thuộc sở hữu của Nhà xuất bản Elsevier (Hà Lan), dành cho thuê bao trực tuyến, có trả phí. Đó là một cơ sở dữ liệu thư mục chứa bản tóm tắt và trích dẫn các bài báo khoa học. Scopus có chứa 57 triệu bản tóm tắt, gần 22.000 danh mục từ hơn 5.000 nhà xuất bản, trong đó hơn 30.000 là Tạp chí đánh giá chuyên ngành trong Khoa học, Kỹ thuật, Y tế, Xã hội, Nghệ thuật và Nhân văn.

Để được liệt kê vào danh sách Scopus, các tạp chí cũng được lựa chọn nghiêm ngặt. Số lượng tạp chí nằm trong Scopus gần gấp đôi số lượng nằm trong ISI, nhưng không bao gồm tất cả mà chỉ chứa khoảng 70% số lượng của ISI. Tuy nhiên, nguồn Scopus chỉ bao gồm các bài báo xuất bản từ năm 1995 trở lại đây. Cách đánh giá chất lượng các tạp chí của Scopus cũng dựa vào chỉ số ảnh hưởng IF, nhưng nội dung website của Scopus

(<http://www.scopus.com>) rất tiện ích khi sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, từ tra cứu tài liệu đến đánh giá tình hình nghiên cứu khoa học của các cá nhân và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, ...

Việt Nam đã có duy nhất 01 Tạp chí toán học Acta Mathematica Vietnamica (Viện Toán học Việt Nam) được lọt vào danh sách Scopus. Trong khi đó, Malaysia đã có 48 và Thái Lan 21 tạp chí được công nhận xếp hạng vào hệ thống Scopus.

Các số liệu của Scopus đã được SCIMAGO sử dụng để đánh giá, xếp hạng các tạp chí khoa học và các cơ sở nghiên cứu khoa học. Theo số liệu, trong số hơn 2.800 cơ sở nghiên cứu mạnh ở trên thế giới, Việt Nam đã có tên 3 đơn vị: Viện Khoa học-Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia TP.HCM và Đại học Quốc gia Hà Nội.

1.3. Phân loại của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước Việt Nam

Bắt đầu từ năm 2012, Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước Việt Nam đã công bố Danh mục và số điểm được tính cho 27 ngành khác nhau.

Trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản trị có 59 Tạp chí được công nhận và tính điểm.

2. CHỈ SỐ ẢNH HƯỞNG KHOA HỌC

Khi xếp hạng các tạp chí người ta thường dựa vào các chỉ số đo chất lượng khoa học của tạp chí, chẳng hạn như chỉ số ảnh hưởng IF (*Impact Factor*) và chỉ số H (*H-index*). IF là chỉ số trích của Tạp chí, H-Index là chỉ số ảnh hưởng của cá nhân nhà khoa học. Rất khó đánh giá chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, vì cộng đồng khoa học vẫn chưa nhất trí một chuẩn mực thống nhất cho tất cả các lĩnh vực nghiên cứu.

Tuy nhiên, hai chỉ số này có quan hệ với nhau, thường được sử dụng để ước định chất lượng của một công trình nghiên cứu khoa học là chỉ số ảnh hưởng và số lần trích dẫn (citation index).

2.1. Chỉ số ảnh hưởng của một Tạp chí (IF)

Chỉ số ảnh hưởng IF là số lần trích dẫn hay tham khảo trung bình các bài báo mà tạp chí đã công bố hai năm trước. Những công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao thường có chất lượng khoa học cao. Tuy nhiên, chỉ số ảnh hưởng của tạp chí cũng còn phụ thuộc vào các ngành khoa học khác nhau.

Chỉ số ảnh hưởng (IF) là thông số được tính hàng năm cho mỗi tạp chí, nó thể hiện rằng các bài trong tạp chí đó được trích dẫn nhiều hay ít. Thông số này được tính hàng năm và thay đổi theo thời gian, có khi biến động rất lớn.

Chỉ số ảnh hưởng của một tạp chí trong năm N được tính bằng tổng số lần các bài báo trong tạp chí đó được trích dẫn trong 2 năm trước N (tức là N-1 và N-2) chia cho tổng

số bài báo trong hai năm đó. Chẳng hạn, nếu một tạp chí A có tất cả 100 bài trong hai năm 2015 và 2016 và được trích dẫn tổng cộng 170 lần thì hệ số ảnh hưởng của năm 2017 sẽ là $IF(2017) = 170/100 = 1,7$.

Chỉ số ảnh hưởng cho biết uy tín và chất lượng của tạp chí. Chỉ số này càng cao thì tạp chí càng có uy tín và càng khó để có bài được đăng trên tạp chí này. Một bài báo được đăng trên một tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao sẽ được đánh giá cao, dễ được đọc và được trích dẫn hơn. Một nhà khoa học đăng được bài trên tạp chí chất lượng và bài báo được trích dẫn nhiều sẽ được đánh giá cao.

2.2. Chỉ số ảnh hưởng của cá nhân nhà khoa học (*H-Index*)

Năm 2005, nhà vật lý người Mỹ Jorge Hirsch (Đại học California) đã đưa thêm chỉ số H (*H-index*) để đánh giá các kết quả khoa học và làm cơ sở so sánh đóng góp khoa học của các nhà khoa học khác nhau, trong cùng lĩnh vực. Một nhà khoa học có chỉ số H nếu trong số N công trình của ông ta có H công trình khoa học ($H < N$) có số lần trích dẫn của mỗi bài đạt được từ H trở lên. Như vậy, chỉ số H chứa đựng được cả hai thông tin: số lượng (số các bài báo được công bố) và chất lượng, tầm ảnh hưởng (số lần được các nhà khoa học khác trích dẫn) của hoạt động khoa học.

J.Hirsch cũng đã xem xét chỉ số H cho một số nhà khoa học và đưa ra nhận xét rằng, trong lĩnh vực vật lý lý thuyết, các nhà khoa học Mỹ thành công (*successful*) sẽ có chỉ số $H = 20$ sau 20 năm; một nhà khoa học nổi tiếng (*outstanding*) sẽ có chỉ số $H = 40$ sau 20 năm; thiên tài khoa học (*truly unique individual*) sẽ có chỉ số $H = 60$ sau 20 năm. J.Hirsch đề nghị rằng ở Mỹ một nhà khoa học có thể bổ nhiệm phó giáo sư (*Associate Professor*) nếu có chỉ số H khoảng 12 và giáo sư (*full professor*) nếu H vào khoảng 18. Các nhà khoa học được giải thưởng Nobel thường có chỉ số H trong khoảng từ 35 đến 100. Chỉ số H cao nhất của một số lĩnh vực khác như Hoá-Lý: 100, Sinh học: 160, Khoa học máy tính: 70, trong khi đó lĩnh vực Kinh tế học và Kinh doanh có chỉ số H vào khoảng 40.

Hiện nay việc tìm chỉ số H của bất cứ nhà khoa học học nào đều rất đơn giản nhờ trang web của Scopus.

3. PHÂN LOẠI CHỈ SỐ QUẢN LÝ SẢN PHẨM KHOA HỌC (ISSN & ISBN)

ISSN (*International Standard Serial Number*) là mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (Tạp chí), được công nhận trên phạm vi toàn thế giới nhằm xác định nhan đề của các xuất bản phẩm. Khi đã có chỉ số ISSN, thì tạp chí sẽ được quốc tế thừa nhận chính thức và giới thiệu trên quy mô toàn cầu. Đây chính là “thẻ căn cước” để đi lại trong làng thông tin toàn cầu. Nhưng chỉ số ISSN của một tạp chí không liên quan đến chất lượng khoa học của các bài báo được đăng ở trong đó.

Danh sách các tạp chí có mã xuất bản (ISSN) bao hàm và rộng hơn rất nhiều so với danh sách ISI và Scopus. Hiện nay, danh sách ISI bao gồm khoảng 10.000, Scopus bao gồm hơn 30.000 tạp chí về Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Kỹ thuật, Y, Dược và Khoa học xã hội. Trong khi đó, danh sách Tạp chí có chỉ số xuất bản ISSN khoảng 1,3 triệu.

ISBN (*International Standard Book Number*) là mã số chuẩn quốc tế để xác định một quyển sách. Trên thế giới, khái niệm và việc đăng ký mã số ISBN cho sách được bắt đầu từ những năm 1966-1970 và đã trở thành thông lệ. Việt Nam mới bắt đầu từ năm 2007.

4. KẾT LUẬN

Khi lựa chọn các bài báo khoa học để làm tổng quan người nghiên cứu (Học viên cao học, Nghiên cứu sinh) bắt buộc phải tìm kiếm từ danh mục các Tạp chí đã được phân loại theo các nhóm đã giới thiệu ở phần trên.

Một công trình khoa học tốt thì phải dựa trên 2 tiêu chí:

- 1) **Nằm trong nhóm của ISI, Scopus hoặc Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước phân loại**
- 2) **Và, có chỉ số trích dẫn (IF) cao.**

Tháng 3 năm 2017

KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-LUẬT

PHỤ LỤC

1. DANH SÁCH CÁC TẠP CHÍ THUỘC NHÓM SCIE: Có 8896 Tạp chí đến 2016.
(*Science Citation Index Expanded*)

<http://www.thomsonscientific.com/cgi-bin/jrnlst/jlresults.cgi?PC=D>

2. DANH SÁCH CÁC TẠP CHÍ THUỘC NHÓM SSCI: Có 3250 Tạp chí đến 2016.
(*Social Sciences Citation Index*)

<http://www.thomsonscientific.com/cgi-bin/jrnlst/jlresults.cgi?PC=J>

3. DANH SÁCH TẠP CHÍ THUỘC HỆ THỐNG SCOPUS - 2016. (*Khoa học xã hội có 3300 trên 35.865 tạp chí*). **File đính kèm.**

https://files.sciverse.com/documents/xlsx/title_list.xlsx

hoặc:

<https://www.elsevier.com/solutions/scopus/content>

4. DANH SÁCH TẠP CHÍ CỦA HDCDGSNN VIỆT NAM NĂM 2016, (*59 Tạp chí thuộc lĩnh vực Kinh tế và Kinh doanh*). **File đính kèm.**